Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
Tập 573
Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 02/09/2011
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hong Kong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 759, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ kinh văn.

"Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sanh, trực tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ".

Đoạn kinh văn này nói đến hai vấn đề: Thứ nhất là vì từ bi nên lưu lại kinh này 100 năm, thứ hai là gặp được bộ kinh này. Đây là nói thời mạt pháp, gặp được bộ kinh này, tùy nguyện được độ.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: "Tương lai khi kinh diệt, đại sư Thiện Đạo nói: mười ngàn năm Tam bảo diệt, kinh này trụ 100 năm". Đại sư Thiện Đạo là người thời nhà Đường, tổ sư đời thứ hai của Tịnh độ. Sau đại sư Huệ Viễn, ngài là người có cống hiến lớn nhất cho Tịnh độ. Tổ sư của Tịnh độ tông khác với các Tông khác, chư vị tổ sư của các Tông khác đều là đời này truyền qua đời khác, cứ truyền như vậy. Tịnh độ tông là do dân chọn, không có tổ sư. Tổ sư do đâu mà có? Người này ở trong thời đại này có cống hiến vô cùng lớn lao cho Tịnh độ tông, bản thân tu hành như pháp, hậu nhân tiến cử họ, trở thành nhất đại tổ sư của Tịnh tông. Nên sự phát triển của họ không như các Tông phái khác. Ngài Huệ Viễn là đời thứ nhất, từ ngài Huệ Viễn đến ngài Thiện Đạo thời gian rất dài, ở giữa không có, đến thời nhà Đường mới có đời thứ hai.

Quý vị xem, tổ sư các Tông phái khác truyền đến nay phải gần mấy mươi đời, phải có bảy tám mươi đời. Quý vị xem truyền thừa Tịnh tông mới có 13 đời. Họ là do dân tuyển, không phải đương thời tuyển. Là sau khi vị pháp sư này viên tịch, người đời sau tiến cử lên, nên rất công bình. Thực tế mà nói các vị Tổ sư này đều không có ý niệm làm tổ sư, người đời sau đặt họ lên vị trí tổ sư, phải hiểu đạo lý này.

Trong truyền thuyết ngày xưa, đại sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sanh. Chúng tôi giảng kinh ở Nhật bản, thăm dò những người xuất gia ở đó, họ nói có thuyết này, Nhật Bản vô cùng sùng bái Thiện Đạo đại sư. Khoảng vào thời nhà Đường, Nhật bản có rất nhiều người xuất gia đến du học ở Trung Quốc, người theo đại sư Thiện Đạo rất nhiều, và rất nhiều người theo đại sư Trí Giả tông Thiên thai, chiếm đa số. Nên tượng các tổ sư trong các ngôi chùa tại Nhật bản, đại sư Thiện Đạo và đại sư Trí Giả rất nhiều, hầu như khắp nơi đều có thể thấy. Người Nhật Bản cung kính tổ sư còn hơn cả Phật Bồ Tát, vì tổ sư là trực tiếp truyền thừa. Tức giống như người xưa hiếu thuận cha mẹ vậy, đương nhiên vượt qua ông bà, ông bà cố, chắc chắn vượt qua, vì cha mẹ là người gần gũi họ nhất. Đây là tôn sư trọng đạo, là hiện tượng tốt, nên làm như vậy.

Mười ngàn năm là nói mạt pháp, chánh pháp 1000 năm, tượng pháp 1000 năm, mạt pháp mười ngàn năm. Trong này chứa đựng ý nghĩa rất thâm sâu, đó chính là thời kiếp vô lượng. Quá khứ vô lượng kiếp, vị lai cũng vô lượng kiếp, mười ngàn năm không phải là thời gian quá dài. Thực tế mà nói thì thời gian rất ngắn, rất ngắn trong đại vũ trụ.

Con người nếu mất thân người, đời sau lại được thân người, e rằng không chỉ là mười ngàn năm, vì thân người khó được. Ý nghĩa chứa đựng trong này, chính là nói với chúng ta cơ hội khó gặp. Trong mười hai ngàn năm gặp được Phật pháp, mười hai ngàn năm này trong đại vũ trụ là vô cùng ngắn ngủi, hiển thị ra Phật pháp khó nghe. Nếu không nắm chắc thời tiết nhân duyên này, bỏ lỡ qua đúng là đáng tiếc. Lần sau gặp lại, không biết là đời kiếp nào. Không phải mười ngàn năm, mười ngàn năm không dài, không biết là vấn đề của đời nào kiếp nào.Ý nghĩa này rất thâm sâu, chúng ta nhất định phải lãnh hội được, nhất định phải nắm bắt thời tiết nhân duyên này, không được để qua đi một cách uổng phí.

Đại sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sanh, câu này được nói ra từ kim khẩu của Phật Di Đà, chúng ta phải đặc biệt tôn trọng.

"Đại sư Tịnh Ảnh, Đạo Xước, Từ Ân", Từ Ân chính là đại sư Khuy Cơ. "Nghĩa Tịch, Pháp Trụ, Vọng Tây", Vọng Tây là pháp sư người Nhật bản. "Các vị đại sư này đều giống nhau", tư tưởng của họ đều đồng với đại sư Thiện Đạo. Tịnh Ảnh Sớ nói: "Đời tương lai khi kinh đạo diệt, tức là nói đến tương lai pháp này bị diệt tận", là vấn đề pháp diệt tận. "Chánh pháp của Đức Thế Tôn có 500 năm, tượng pháp 1000 năm, mạt pháp mười ngàn năm, tất cả đều qua, gọi là diệt tận".

Tịnh Ảnh là pháp sư Huệ Viễn, ngài Huệ Viễn này có tên hoàn toàn giống với sơ tổ Huệ Viễn, nhưng hai người khác nhau, thời đại khác nhau. Sơ tổ Huệ Viễn là người Đông Tấn, thời đại Nam Bắc Triều. Pháp sư Huệ Viễn người thời Tùy Đường, nên trong nhà Phật gọi ngài là tiểu Huệ Viễn. Ngài ở chùa Tịnh Ảnh, người đời sau rất tôn kính ngài, nên không gọi tên ngài mà gọi là đại sư Tịnh Ảnh, xưng hô ngài như vậy.

Ngài có chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, ý ngài nói trong chú giải giống với ý của đại sư Thiện Đạo. Đương lai là tương lai, "khi kinh đạo diệt", kinh là kinh điển, đạo là pháp môn, pháp môn Tịnh độ này không còn. "Tức là nói đến việc tương lai pháp diệt tận", Phật pháp không phải mãi mãi truyền thừa ở thế gian này, có thời tiết nhân duyên. Mười hai ngàn năm sau, pháp vận của Phật không còn, càng về sau đương nhiên pháp vận càng suy yếu. Chỉ có pháp môn này có thể giúp chúng sanh thành tựu trong một đời, ngoài pháp môn này ra đều không có thể.

Hiện nay chúng ta nghe được rất nhiều người tham thiền niệm Phật A Di Đà, tu mật cũng niệm Phật A Di Đà. Như vậy là chính xác, đây đúng là có trí tuệ chân thật.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ông là thượng sư của Mật tông, ông được truyền thừa. Thời gian chúng tôi gặp nhau tuy không dài, nhưng cũng gặp mặt nhiều lần. Khi ông còn tại thế, một năm ít nhất tôi gặp ông hai lần, có khi ba lần, nên lúc đó tôi thường đến Bắc Kinh. Bắc Kinh còn có một người bạn cũ, là cư sĩ Triệu Bộc Sơ, đồng hương. Chúng tôi rất hợp nhau, lần đầu tiên gặp nhau chúng tôi nói chuyện 4 tiếng rưỡi đồng hồ, đó là đại hộ pháp của tôi.

Trong nước có ba vị hộ pháp, xuất gia là pháp sư Danh Sơn, còn có một người Thiên chúa giáo, phó đại giáo chủ Phó Thiết Sơn. Ba người đều đã ra đi, người hộ pháp trong nước đều không còn. Nên bây giờ có nhiều người hỏi tôi, vì sao không đến Bắc Kinh? Bạn cũ đều không còn, bản thân cũng đã già, niệm Phật vãng sanh quan trọng hơn, ngoài ra không quan trọng.

Chánh pháp của Thế Tôn 500 năm, cũng có người nói 1000 năm, vì sao trở thành 500 năm? Trong kinh có nói: Tỳ kheo ni Đạo Ái Đạo xuất gia, chánh pháp giảm đi 500 năm. Nếu nói mười hai ngàn năm tức không bị giảm đi. Cho nên chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp chúng ta nên tuân thủ những gì trong Nhân Vương Kinh nói, điều này nói rất có đạo lý. Gọi là chánh pháp phải có đủ ba điều kiện: Người nói pháp, người tu hành, người chứng quả, có đủ ba hạng người này

chính là chánh pháp. Có người nói pháp, có người tu hành, không có chứng quả, đây gọi là mạt pháp. Có người giảng kinh, không có người tu hành, không có người chứng quả, đây gọi là mạt pháp. Đến người giảng kinh cũng không có, tức gọi là diệt pháp.

Từ trên ý này, chúng ta hoàn toàn có thể hiểu được, đích thực có pháp vận, nên nói như thế nào? Chúng ta sanh vào thời đại nào? Trong chánh pháp có tượng pháp, có mạt pháp. Trong tượng pháp có chánh pháp, có mạt pháp. Trong mạt pháp cũng có chánh pháp, cũng có tượng pháp. Hoàn toàn xem bản thân ta, điều này có thể nói được. Trong kinh điển có căn cứ lý luận, đó chính là "tất cả pháp từ tâm tưởng sanh".

Chúng ta nhớ Phật, muốn đến thế giới Cực Lạc để thân cận Phật A Di Đà. Đây chính là chánh pháp, đây là trong mạt pháp có chánh pháp. Nếu chỉ có hình dáng của Phật giáo, đây là hình thức. Kinh cũng không giảng, dạy cũng không học, đó chính là diệt pháp, diệt pháp trong thời mạt pháp. Do đây có thể thấy, hoàn toàn tại con người. Đạo lý này nói rất hay. Tất cả đều là quá khứ, đây gọi là diệt tận.

Nhưng căn cứ Pháp Trụ Ký của đại sư Cảnh Hưng, lại có một cách nói khác. "Trong Pháp Trụ Ký là chỉ sau bảy mười ngàn năm của kiếp tăng", thời gian này rất dài, đó không chỉ là mười hai ngàn năm. Pháp Trụ Ký nói: "Tuổi thọ con người ngắn nhất là mười tuổi". Đây là nói kiếp, Phật nói tiểu kiếp, tiểu kiếp tính như thế nào? Khi thọ mạng của con người dài nhất, thọ mạng dài nhất của con người là tám vạn bốn ngàn tuổi. Mỗi trăm năm giảm một tuổi, giảm đến 10 tuổi là tuổi thọ ngắn nhất của con người, giảm đến mười tuổi. Từ thọ mạng mười tuổi lại tăng lên, 100 năm thêm một tuổi, thêm đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Một tăng một giảm này gọi là một tiểu kiếp, thời gian một tiểu kiếp dài như vậy. 20 tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp, có cách nói như vậy. Tuổi thọ con người dài chắc chắn là phước báo lớn, là đạo lý nhất định. Tuổi thọ ngắn, phước báo sẽ kém, không có phước, tạo tội nghiệp nhiều.

Khi Đức Thế Tôn xuất thế là tuổi thọ con người trong thời kiếp giảm. Quý vị xem, đây là nói kiếp tăng, kiếp giảm. Thọ mạng bình quân của con người là 100 tuổi. Đức Thế Tôn đã diệt độ 3000 năm, 100 năm giảm một tuổi, tức đã giảm 30 tuổi. Nên thế giới hiện nay thọ mạng con người, thông thường nói thọ mạng 70 tuổi, 70 tuổi trong kiếp giảm. Nên người xưa nói: "nhân sinh thất thập cổ lai hy".

100 năm giảm một tuổi, khi giảm đến mười tuổi, "kiếp đao kinh khởi dậy, tàn sát lẫn nhau, lúc này Phật pháp tạm diệt. Sau khi tăng đến 100 tuổi, 16 đại A la hán và các quyến thuộc trở lại làm người, tuyên dương nói rõ chánh pháp vô thượng, độ vô lượng chúng", đây đều có căn cứ. Khi tuổi thọ của con người còn 10 tuổi, tạo tội nghiệp nặng, kiếp đao binh khởi lên, tàn sát lẫn nhau.

"Phật pháp tạm diệt", lúc này Phật pháp không còn. Nhưng sau khi tăng đến 100 tuổi, 100 tuổi là mười ngàn năm. 100 năm là một tuổi, 1000 năm 10 tuổi, mười ngàn năm, mười ngàn năm 100 tuổi. Khi tăng đến mười ngàn năm, có 16 đại A la hán và quyến thuộc của họ. Quyến thuộc chính là những học sinh của họ. Ở đây là đại A la hán, nếu là đại thừa A la hán, đó chính là địa thượng Bồ Tát.

Họ vào trong loài người, "xưng dương nói rõ chánh pháp vô thượng, độ vô lượng chúng. Thậm chí khi người ở châu này thọ sáu mươi ngàn tuổi, chánh pháp vô thượng lưu hành thế gian, cháy mãi không ngừng. Đến bảy mươi ngàn tuổi, Tân Đầu Lô tôn giả - đây là học trò của Đức Thế Tôn - 16 đại A la hán và các quyến thuộc, cùng một lúc đều nhập vào Vô dư niết bàn", những người này đều diệt độ.

Tôn giả Tân Đầu Lô hiện nay vẫn ở thế gian, Đức Thế Tôn không cho phép ngài diệt độ. Nhân gian tu phước, ăn chay tu phước, không có thánh hiền để ứng cúng, phước của họ sẽ rất mỏng. Ai đến ứng cúng? Thế Tôn đã diệt độ, những vị đại đệ tử của Thế Tôn đều diệt độ, chỉ lưu lại một người, chính là tôn giả Tân Đầu Lô.

"Trai chủ lấy tâm chân thành cúng dường Tam bảo, tu phước", ngài nhất định sẽ đến, ngài hóa thân đến, phải xem thành tâm của trai chủ. Chân là chí thành, không có tư tâm, vì chánh pháp cửu trụ, vì lợi ích chúng sanh, A la hán sẽ đến ứng cúng, cho nên thường trụ ở thế gian.

Còn có một người cũng trụ ở thế gian, là Tôn giả Ca Diếp, ở núi Kê Túc Vân Nam. Ngài cũng không diệt độ, sứ mạng của ngài là truyền pháp, đợi Bồ Tát Di Lặc hạ sanh xuống thế gian, đem y bát của Thế Tôn truyền cho Di Lặc. Ngài phải đợi Bồ Tát Di Lặc hạ sanh, thị hiện thành Phật ở cõi Ta bà này. Thời gian đó bao lâu? Bồ Tát Di Lặc ở Trời đâu suất, thọ mạng cõi trời này, một ngày ở cõi trời Đâu suất bằng 400 năm ở nhân gian, thời gian khác nhau rất lớn. Thọ mạng của họ là 4000 tuổi, một năm cũng là 365 ngày. 4000 tuổi, quý vị thử tính sẽ biết, khoảng 56 ức bảy ngàn vạn năm, Bồ Tát Di Lặc mới hạ sanh. Hiện nay có rất nhiều người tuyên truyền nói, Bồ Tát Di Lặc đã hạ sanh, đó là lời đồn chứ không

phải thật. Bởi vậy Tôn giả Ca Diếp phải đợi thời gian rất dài, cũng để cho người thế gian tạo phước điền, ngài trụ ở nhân gian, vì sao không xuất hiện giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh? Đây chính là trong Phật giáo đại thừa thường nói, Phật không độ người không có duyên. Không phải Phật Bồ Tát không từ bi, là do chúng sanh không có duyên. Vì sao gọi là không có duyên? Chúng sanh không tin. Nếu ngài xuất hiện, tôi nghĩ Tôn giả Ca Diếp sẽ gặp rất nhiều rắc rối, vì sao vậy? Vì mỗi người đều đến lạy ngài, chắc người lên núi Kê Túc rất đông, ngài còn có thể sống được những ngày tháng thanh tịnh ư? Điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Một số người cảm thấy kỳ lạ, vì thọ mạng của con người không sống đến 100 tuổi, vậy mà ngài sống hơn 3000 năm, tức đã trở thành quái nhân. Người thế gian về mặt nhân tình không thừa nhận ngài, cho nên chỉ có người đặc biệt có nhân duyên, ngẫu nhiên thị hiện chốc lát.

Cảnh Hưng nói: "Khi thọ mạng con người bảy mươi ngàn tuổi, chánh pháp vô thượng mới hoàn toàn đoạn diệt, nên gọi là kinh đạo diệt tận".

Hai cách nói trên, mỗi thuyết đều căn cứ vào một nghĩa, đều có căn cứ. Khoa phán của Đại sư Vọng Tây nói, đại sư Vọng Tây là một vị tổ sư của Nhật bản. "Đại sư Thiện Đạo, Di Đà thùy tích", là Phật A Di Đà tái sanh. Từ Ân - Bồ Tát Quán Âm hóa thân đến, là đại sư Khuy Cơ. Đại sư Khuy Cơ là Bồ Tát Quán Thế Âm tái sanh. "Những gì hiểu được không ít, lấy nó làm bằng cứ", ý của đại sư Vọng Tây là nên tuân thủ cách nói của đại sư Thiện đạo, đây chính Phật A Di Đà nói. Căn cứ ý của ngài Vọng Tây, chú thích kinh văn này, nên theo lời dạy của đại sư Thiện Đạo, thuyết này rất thâm sâu. Chú giải này của Hoàng Niệm Tổ là tập chú.

Quý vị xem cách nói khác nhau, ông đem tất cả viết vào đây, lựa chọn sau cùng rốt cuộc chúng ta y cứ vào đâu? Vẫn là nương vào ý của các bậc cổ đức, bản thân không dám kết luận, vẫn dùng của các bậc cổ đức. Chú giải này quá hay, hàng hậu nhân chúng ta cần phải học tập. Nói thật người hiện nay, chú kinh tốt nhất áp dụng phương pháp của Hoàng Niệm tổ. Tập chú giải kinh luận của các bậc tổ sư, mới có thể lấy niềm tin cho người khác. Bản thân chúng ta tu hành chưa đủ, chỉ có sưu tập kinh văn, sưu tập tư tưởng của các bậc cổ đức, mọi người mới có thể tin được. Đây là mở ra một trường hợp chú kinh. Tập chú ngày xưa có, không phải không có, nhưng ít. Trong này dẫn chứng hơn 80 loại kinh luận, 101 loại chú giải của các bậc tổ sư, còn có 9 loại chú giải của các tổ sư Hàn quốc, Nhật bản. Tổng cộng có 193 loại, nên đây là tập đại thành chú giải. Chúng ta đọc bộ chú giải này, chính là đọc được 193 loại kinh luận và chú sớ của chư vị tổ sư.

Đích thực như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: "Một là tất cả, tất cả là một". Đọc cuốn chú giải này là đọc được tất cả kinh điển đại thừa tiểu thừa, hiển giáo mật giáo.

Câu sau cùng của Hoàng Niệm Tổ, cách nói này rất thâm sâu, chúng ta y theo tư tưởng của đại sư Thiện Đạo, như vậy là chính xác.

"Đặc biệt lưu lại kinh này, Tịnh Ảnh Sớ nói: Phật dùng từ bi lân mẫn chúng sanh, nên sau khi pháp diệt, lưu lại duy nhất kinh này thêm 100 năm để tế độ". Tế là từ bi tế thế, độ thoát chúng sanh. Trong kinh này khai thị về Tịnh độ, khiến người cầu vãng sanh, nên đặc biệt lưu lại. Nghĩa là phương pháp này đơn giản, dễ dàng, ổn định, nhanh chóng. Chỉ cần quý vị tin, có thể lý giải quan hệ không lớn, quan trọng là tin thật, nguyện thiết, chính là hai điều kiện này, tôi tin thật sự, tôi bằng lòng đến thế giới Cực Lạc. Hai điều kiện này, trong Yếu Giải đại sư Ngẫu Ích gọi là tâm bồ đề vô thượng. Tin thật, không chút hoài nghi, bằng lòng vãng sanh, đây chính là phát tâm vô thượng bồ đề. Đối với tư tưởng của đại sư Ngẫu Ích, đại sư Ấn Quang tán thán đến tột đỉnh: Mặc dù cổ Phật tái sanh để viết chú giải cho Kinh A Di Đà, cũng không thể hơn được bản này.

Đại sư Ngẫu Ích là ai? Thân phận chưa bộc lộ chúng ta không biết. Trong tưởng tượng, nếu ngài không phải Phật A Di Đà tái sanh, chắc chắn là Quán Âm Bồ Tát hoặc Đại Thế Chí. Không phải chư vị Bồ Tát này không nói được như thế. Chúng ta phải tin, chúng ta đúng là có phước báo, 100 năm gần đây có lỗi với tổ tông, đúng là đại bất hiếu. Mặc dù là có lỗi, nhưng tổ tông vẫn yêu thương bảo vệ con cháu, con cháu phạm lỗi lầm lớn đến mấy họ cũng có thể tha thứ, đây là đạo lý tất nhiên. Người đồng với tâm này, tâm đồng với lý này, sẽ có Phật Bồ Tát đặc biệt quan tâm đến mảnh đất này, đặc biệt quan tâm đến những chúng sanh này, đều là đời sau của tổ tông. Vì sao phạm lỗi lầm này, bất hiếu bất kính, đại bất hiếu, đại bất kính, vì sao vậy? Cũng không thể trách những người bây giờ, nên trách ai? Mở đầu bất hiếu bất kính này do ai gây ra? Thái hậu Từ Hi, món nợ này phải tính nơi bà ta. Bà là người dẫn đầu phá hoại nếp sống của chúng ta. Từ lúc mở nước, các bậc đế vương thời nhà Thanh đều quy y Tam bảo, vô cùng tôn kính Tam bảo, các bậc cao tăng đại đức được phong làm quốc sư. Chỉ đến bà, tự xưng là lão Phật gia, Phật Bồ Tát đều thấp hơn một bậc, vì bà là lão Phật gia. Trên sao dưới vậy, người lãnh đạo khinh mạn Phật Bồ Tát, khiến tín tâm của người bên dưới đối với thánh hiền, Phật Bồ Tát dần dần suy yếu. Từ Hi đến cuối thời nhà Thanh, ảnh hưởng của bà cũng gần 100 năm, bà đã phá hoại nếp sống này. Nên

thời đại của bà còn có nói, nhưng ít người chân tu, người chứng quả không có. Đến đầu năm dân quốc, sau khi nhà Thanh mất nước, người nói cũng không có.

Lúc chúng tôi học Phật, 60 năm trước, điểm xem những pháp sư hoằng pháp, giảng kinh dạy học trên cả nước, không quá mười người _ một nơi rộng lớn như Trung Quốc. Hơn nữa không phải giảng mỗi ngày, lúc giảng lúc không, một năm giảng khoảng một hai tháng là nhiều. Đến nay hầu như không có ai giảng.

Theo tư tưởng trong Nhân Vương Kinh: không có người nói, pháp sẽ diệt. Chúng ta ngày nay, thực tế mà nói cũng là thấy được chân tướng sự thật. Đây không phải là tôi nhận ra, đại sư Chương Gia nhận ra được. Tôi theo học với đại sư ba năm, ông khuyên tôi xuất gia, theo gương Đức Thế Tôn. Lúc đó tôi không hiểu là ý gì, sau khi đại sư viên tịch, tôi dần dần lãnh hội được. Tôi nghĩ những điều đại sư nói rất có đạo lý, tôi có thể xuất gia, không có gì vướng bận, vì sao? Chỉ một mình ở Đài Loan, cho nên y theo lời dạy của đại sư, lựa chọn con đường này.

Cuốn sách đầu tiên là Thích Ca Phổ, là cuốn sách đại sư chỉ định cho tôi đọc, đó là truyện ký của Đức Phật. Sau khi xem xong mới nhận thức và hiểu rõ về Đức Thế Tôn, ngài là người như thế nào? Nói như cách nói hiện nay, ngài là một nhà giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Từ hành nghi một đời của ngài để xem, từ công tác một đời của ngài để xem, ngài là một người làm công tác nghĩa vụ của giáo dục văn hóa đa nguyên, suốt đời dạy học. Nên ngài là sư đạo, là thầy giáo, người thầy rất có trách nhiệm, lại không thu học phí. Thái độ dạy học giống như Khổng Tử vậy, dạy bất cứ ai, không phân biệt quốc tịch, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng. Chỉ cần ta chịu học, ngài đều dạy, dạy rất siêng năng. Trong kinh điển chúng ta thấy, trong hàng đệ tử của ngài có Bà la môn giáo. Trong Kinh Hoa Nghiêm có biến hành ngoại đạo, đó đều là truyền nhân, là tôn giáo sư trong Tôn giáo, nhưng họ đều là học trò của Đức Phật.

Đức Phật không dạy họ thay đổi tín ngưỡng, như trường học vậy. Quý vị đến học, bất luận tôn giáo nào cũng không sao. Bởi thế chúng ta khẳng định Phật giáo là giáo dục, Phật giáo là dạy học. Ngài làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, suốt đời dạy học. Trong kinh không thấy nói Đức Thế Tôn có nghỉ phép ngày nào, không có. Từ những điều này chúng ta cũng lãnh hội được, thân thể Đức Phật mạnh khỏe, đúng là thân kim cang bất hoại.

Phương thức sinh hoạt của ngài, chúng ta không theo kịp, một ngày chúng ta cũng không chịu nổi. Đêm về ở ngoài trời, ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa,

thân thể yếu ốm không được. Tuổi trẻ còn chịu được, lúc ngài viên tịch đã 79 tuổi, trên 70 tuổi vẫn sống cuộc sống như vậy. Không nói trên 70 tuổi ngài sống trong nhà, không có, lúc viên tịch ngài ở trong rừng, không ở trong phòng. Đây đều là làm gương cho chúng ta, trong này bao hàm ý nghĩa rất thâm sâu.

Bởi vậy chúng ta cần lấy ngài làm gương, phải học tập theo ngài. Mỗi ngày ngài giảng kinh không chỉ bốn tiếng, chúng ta thua xa, ngài không hề nghỉ ngơi. Một người đến cũng dạy, hai người đến cũng dạy, người nhiều hay ít đều không sao. Ngài cũng không mở lớp chính thức, đến lúc nào dạy lúc đó. Muốn học nhiều thì ở thêm vài ngày, học một hai ngày thấy đủ rồi vậy thì ra đi. Đúng là không cự tuyệt người đến, không lưu giữ người đi. Chúng ta phải hiểu được điều này, việc làm của ngài đáng để hàng hậu nhân chúng ta học tập.

"Chỉ lưu lại duy nhất kinh này", bộ kinh này đặc biệt quan trọng, Đức Thế Tôn khi tại thế nhiều lần tuyên thuyết. Lưu lại những Kinh Đại Tạng này, trong đời Đức Phật chỉ nói một lần, không lặp lại. Duy nhất bộ Kinh Vô Lượng Thọ, đích thực là tuyên thuyết nhiều lần, không chỉ một lần.

Kinh Vô Lượng Thọ lưu truyền đến Trung Quốc từ sớm, đặc biệt có nhân duyên với Trung Quốc, truyền đến Trung Quốc sớm nhất. Ngài An Thế Cao có bản dịch, đáng tiếc bản này đã thất truyền. Từ nhà Hán đến nhà Tống, thời gian 800 năm phiên dịch 12 lần. Trong Đại Tạng Kinh có đề mục của kinh này, nhưng kinh không còn. Thất truyền bảy loại, còn lại năm loại. Từ trong năm loại lưu lại này, chúng ta nhận ra không phải giảng một lần. Trong kinh này phần quan trọng nhất chính là nguyện, nguyện do Phật A Di Đà phát. Có hai bản là 48 nguyện, hai bản khác là 24 nguyện, bản dịch thời nhà Tống là 36 nguyện. Bất luận dịch như thế nào, chắc chắn không phải do dịch sai. Vì sao có sự khác biệt lớn đến thế? Nên các bậc cổ đức nghĩ rằng, ít nhất phải tuyên giảng ba lần, không giống nhau, mới có khác biệt lớn như vậy.

Kinh điển tiếng Phạn truyền đến từ Ấn Độ, không phải chỉ một bản. Còn bảy bản thất truyền không thấy được, nếu thấy được có thể càng nhiều. Nên tổ sư đại đức chắc chắn rằng, ít nhất là ba lần, hoặc trên ba lần, chứng minh rằng kinh này vô cùng quan trọng, xưa nay chưa từng có. Trong kinh này lại có một đoạn kinh văn: "Đặc biệt lưu lại kinh này trụ thế 100 năm". Câu này hoàn toàn tương đồng với trong Kinh Pháp Diệt Tận. Đức Phật nói tương lai Phật pháp diệt tận, kinh diệt đầu tiên là Kinh Lăng Nghiêm, sau cùng là Kinh Vô Lượng Thọ. Sau khi các

kinh điển diệt hết, sau cùng mới đến Kinh Vô Lượng Thọ. Đều có thể tìm được ấn chứng.

Vì pháp môn Tịnh độ nói trong kinh này "khiến người cầu sanh, dạy người, khuyên người phải cầu sanh thế giới Cực Lạc ngay trong đời này", giới thiệu về thế giới Cực Lạc một cách rất tường tận. Đặc biệt lưu lại bộ kinh này, bộ kinh này là kinh điển viên mãn, có thể giúp chúng ta thành tựu.

"Kinh Đại Niết Bàn hiển thị Phật tánh, thánh nhân ẩn trước, gọi là diệt trước". Đây là nói đến Kinh Đại Bát Niết Bàn, thánh nhân ẩn trước, ẩn chính là diệt độ, tức là ý này. "Kinh này dạy người chán khổ cầu vui, cứu giúp người phàm, gọi là hậu diệt". Nghĩa là nói Phật pháp trụ thế, những gì diệt trước, những gì diệt sau, cũng là dần dần bị đào thải, vì sao bị đào thải? Không khế cơ, những kinh điển đại thừa này khế lý không khế cơ, càng về sau căn cơ càng kém. Từ đâu để thấy được? Mất niềm tin, không tin nữa. Người bây giờ không có tín tâm, muốn khôi phục niềm tin của họ, vấn đề này quá khó, mà "tin là mẹ của mọi công đức".

Trong pháp thế gian, nhân lễ nghĩa trí tín trong truyền thống xưa, tín là gì? Tín là giới hạn thấp nhất của truyền thống văn hóa, là giới hạn sau cùng. Nếu mất niềm tin, truyền thống văn hóa sẽ bị diệt - Nhân lễ nghĩa trí tín. Khôi phục tín tâm này là vấn đề nan giải, cho nên trong Phật pháp đại thừa nói: Phật độ người có duyên. Câu này đã nói đến tận cùng. Thế nào là người có duyên? Người có tín tâm, tín tâm này chắc chắn trong đời quá khứ đã từng học. Nếu trong đời quá khứ không có nền tảng sâu dày, ta gặp được làm sao có thể tin? Bởi vậy nói không tin, rất khó tin, đây là hiện tượng rất bình thường. Chúng ta thấy được, nghe được, chẳng có gì kỳ lạ. Biết được quý vị có thể tin, có thể lý giải, có thể hiểu, nhất định trong đời quá khứ có thiện căn sâu dày. Thiện căn này tuyệt đối không phải một đời một kiếp có thể học được.

Như trong Kinh Kim Cang nói, quý vị có thể tin đại thừa, kinh điển nói rất hay, tuyệt đối không phải trồng thiện căn một đời, hai đời, ba bốn năm đời, mà là gì? Từ vô lượng kiếp chúng ta trồng thiện căn với Chư Phật, mới có thể tin được.

Người có chánh tín này, khi gặp được nhất định phải biết thương mình, vì sao vậy? Có căn cơ tốt như vậy, trong đời này ta có thể vượt thoát luân hồi lục đạo, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, chứng đại viên mãn ngay trong đời này, quý vị phải có lòng tin như vậy. Cần phải nắm bắt cơ hội này, đừng bỏ lỡ. Như vậy trong đời này sẽ thành tựu, sẽ viên mãn, giải thoát. Đây là một sự may mắn

biết bao. Do đó chúng ta không còn lưu luyến đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, tôi chỉ theo pháp môn này, chỉ đi con đường này, chắc chắn sẽ thành công.

Đức Thế Tôn đã chứng minh cho chúng ta, Phật Di Đà đã chứng minh cho chúng ta, tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương chứng minh cho chúng ta. Như vậy còn có thể hoài nghi ư? Nên dạy chúng ta chán khổ cầu vui, đây là những gì người thế gian mong cầu. Chúng ta học Phật, đời đời kiếp kiếp nhưng không vãng sanh được, khuyết điểm cũng là do đây. Chúng ta vui trong sự khổ, mà tưởng là vui thật, không biết luân hồi khổ, không biết tam đồ là khổ. Nên chúng ta lơ là đối với giáo huấn của Phật, không biết sơ suất bao nhiêu lần. Đời này không được tiếp tục như thế, nhất định phải nắm bắt.

"Cứu phàm trọng yếu", pháp môn này, bộ kinh này quan trọng nhất để cứu tế hàng phàm phu, cho nên Đức Phật dùng oai thần gia trì, khiến nó diệt độ sau cùng.

"Sớ nói kinh này dạy người niệm Phật vãng sanh, nên chỉ lưu lại kinh này, 100 năm sau cùng cứu độ chúng sanh. Đối với Kinh Đại Niết Bàn và Kinh Thủ Lăng Nghiêm - đây là kinh diệt độ sớm nhất - Hiển thị mỗi người đều có Phật tánh, và giáo pháp thậm thâm trong thánh giáo. Đời mạt thế về sau, căn tánh chúng sanh hạ liệt, không ai hiểu được, nên diệt độ trước", đã nói ra điều này. Nghĩa lý của kinh điển quá thâm sâu, không khế cơ nữa. Hiện nay không có người căn cơ sắc bén, họ không tin, họ cũng không học pháp môn này, cho nên kinh này diệt trước.

Năm 1977, hơn 30 năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hong Kong giảng Kinh Lăng Nghiêm. Lúc đó Hong Kong có pháp sư Hải Nhân, suốt đời chuyên nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm, chuyên gia Lăng Nghiêm. Ông chỉ có sáu người đệ tử, điều kiện ông thu nhận đệ tử rất khắt khe. Đệ tử cần phải học thuộc Kinh Lăng Nghiêm, còn thuộc chú giải, cả kinh lẫn chú đều phải thuộc, mới có thể làm đệ tử ông, không được như vậy ông không nhận. Nên suốt đời ông chỉ được 6 vị đệ tử. Trong sáu vị đệ tử này, pháp sư Đại Quang giao tình với tôi rất tốt, ông ta lớn hơn tôi khoảng năm sáu tuổi, đều không còn. Ông thuộc Kinh Lăng Nghiêm và chú giải rất thú vị, ông học Văn Cú của đại sư Ngẫu Ích _ Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú. Đến kinh văn hay Văn Cú đều thuộc hết. Vì thông thường học Lăng Nghiêm đa phần đều học Trường Thủy Sớ _ Sớ của pháp sư Trường Thủy thời nhà Tống. Hoặc mới hơn một chút, là chú giải của đại sư Giao Quang thời nhà Minh, đa số

đều học hai bản này, rất ít người học Văn Cú của đại sư Ngẫu Ích. Vậy mà ông lại chọn Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú của đại sư Ngẫu Ích.

Lúc đó chúng tôi cũng coi là hàng sơ học, tuổi trẻ, cũng giảng Kinh Lăng Nghiêm, đến gặp hòa thượng. Lúc đó hòa thượng trên 90 tuổi, vô cùng hoan hỷ, khi gặp mặt rất hoan hỷ, giảng cho tôi nghe về đạo ý Lăng Nghiêm.

Lăng Nghiêm là bộ kinh khai trí tuệ, rất nổi tiếng trong kinh điển Phật giáo, gọi là Pháp Hoa thành Phật, Lăng Nghiêm khai tuệ. Khi Pháp Hoa nói về thành Phật, Kinh Lăng Nghiêm nói về khai ngộ. Bồ Tát Quán Thế Âm phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Thiền và Mật đều vô cùng coi trọng bộ kinh này. Thật ra Lăng Nghiêm hiển thị hai pháp môn đặc biệt, không phải một.

Chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Thông Viên rất rõ ràng, ai cũng có thể thấy được. Ngoài ra là chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông, chương này không dễ nhận ra, vì nó được đặt ở sau cùng. 25 vị Bồ Tát, vị sau cùng là Bồ Tát Di Lặc. Trước Bồ Tát Di Lặc là Bồ Tát Đại Thế Chí, nên Bồ Tát Đại Thế Chí đặt ở thứ 24, Bồ Tát Di Lặc thứ 25. Quý vị xem, vị trí hai ngài bị thay đổi, Bồ Tát Đại Thế Chí đặt ở sau cùng. Bồ Tát Di Lặc, hai ngài thay đổi vị trí. Thay đổi như vậy, tượng trưng điều gì? Pháp môn đặc biệt, nó không phải là pháp môn bình thường. Pháp môn bình thường là sắp xếp theo thứ tự, sắp xếp đặc biệt chính là pháp môn đặc biệt. Bởi thế có hai pháp môn đặc biệt, một số người đều không nhận ra điều này, quá sơ ý.

Thật ra lúc tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm, cũng không nhận ra, cũng là nghiêng về Bồ Tát Quán Thế Âm. Tôi làm sao phát hiện được pháp môn của Bồ Tát Đại Thế Chí? Là một vị pháp sư người Nhật khi ở Đài Loan, lần đầu tiên chùa Lâm Tế truyền giới. Lúc đó tôi đã xuất gia, đang làm thư ký cho giới đàn. Có bốn học sinh của Đại học Đài Loan, họ đều là sinh viên sắp tốt nghiệp, sinh viên năm thứ tư. Đi cùng thầy giáo của họ là người Nhật bản, là giáo thọ khách mời của đại học Đài Loan, đi cùng ông đến Chùa Lâm Tế gặp tôi, đó là thân phận giáo thọ.

Ông hỏi tôi học gì? Lúc đó tôi đang học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý ở Đài Trung. Ông hỏi tôi tu pháp môn gì? Tôi nói tu Tịnh độ. Thái độ của vị này rất ngạo mạn, rất coi thường, hỏi tôi một câu: Lăng Nghiêm và Tịnh độ có quan hệ gì? Câu hỏi của ông khiến tôi nghĩ đến sự thay đổi vị trí của Bồ Tát Đại Thế Chí, thay đổi vị trí với Bồ Tát Di Lặc _ hai pháp môn đặc biệt. Câu hỏi của ông ta đã nhắc nhở tôi, và trả tôi hỏi lại ông ta: Quán Thế Âm và Đại Thế Chí có liên quan với Tịnh độ như thế nào? Tôi hỏi như vậy ông ta không biết trả lời sao.

Tôi nói, vị trí thứ tự của Chư Vị Bồ Tát trong Nhị Thập Ngũ Viên Thông Chương, đặc biệt đưa hai vị này lui sau cùng. Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương và Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là một không phải hai. Pháp môn niệm Phật của Bồ Tát Đại Thế Chí là pháp môn thù thắng bậc nhất mà biến pháp giới hư không giới cùng học. Còn Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương là khế hợp căn cơ của chúng sanh cõi Ta Bà nhất. Người thế gian chúng ta năng lực nghe mạnh hơn thấy, thấy không hiểu, nghe hiểu, đây chính là nhĩ căn sắc bén. Vì sao Bồ Tát Quán Thế Âm đặc biệt có nhân duyên với chúng ta? Chúng ta căn tánh tương đồng. Còn Bồ Tát Đại Thế Chí tượng trưng trí tuệ, trí tuệ thật sự mới chọn niệm Phật vãng sanh, đệ nhất đẳng trí tuệ. Không phải trí tuệ chân thật họ không biết. Thế nên Niệm Phật Viên Thông Chương, phải đợi trí tuệ bậc nhất Bồ Tát Đại Thế Chí làm tượng trưng.

Cho nên hỏi đúng rất có ích, khi người ta hỏi tôi mới nghĩ ra được vấn đề, khi không có ai hỏi chỉ biết một cách hồ đồ như vậy. Nên hỏi đáp đúng là tự lợi lợi tha, rất nhiều vấn đề bình thường tự mình không nghĩ ra, đến khi hỏi liền nghĩ ra.

Bộ kinh này cũng vậy, Phật Thích Ca phóng quang, tôn giả A nan hỏi, nhờ vậy mà Thế Tôn nói kinh này.

Tự tánh, trí tuệ bát nhã vốn đầy đủ trong tự tánh chính là Thủ Lăng Nghiêm. Tất cả chúng sanh đều có tự tánh vốn đầy đủ, vì sao không hiển lộ được? Phiền não, tập khí chướng ngại tự tánh, càng về sau những tập khí phiền não này càng nặng. Quý vị xem, tập khí chúng ta nhiễm từ đời trước, đến đời này lại mang theo. Không những không đoạn được, lại càng thêm sâu nặng. Như vậy quý vị sẽ biết 9000 năm sau, càng về sau tập khí càng thêm sâu nặng. Đạo lý chính là như vậy, nghĩa là chúng sanh ngày càng khó độ.

Chúng ta thấy không nhiều, chỉ thấy ba đời. Đời trước, đời trước nữa, đời trước nữa là đại sư Ấn Quang, pháp sư Đế Nhàn. Chúng ta thấy thời đại của họ độ chúng sanh khá dễ dàng, nhiều người tin, ít người hoài nghi. Đời sau của họ là pháp sư Đàm Hư, như cư sĩ Lý Bỉnh Nam, đây là trước một đời. Tình trạng xã hội không giống như trước, chúng sanh nhiều vọng tưởng, tạp niệm. Họ độ chúng sanh khó hơn, khó hơn nhiều so với thời tổ sư Ấn Quang.

Bây giờ đến thời đại chúng ta, càng khó khăn hơn so với thời đại của thầy Lý. Chúng ta có thể nghĩ đến, tương lai đời sau chúng ta còn khó hơn so với chúng ta. Chúng ta thấy ở trên là có thể biết được, căn tánh đời này không bằng đời

trước, vọng tưởng ngày càng nhiều, tạp niệm ngày càng nhiều hơn, những lý luận lệch lạc, tà tri tà kiến, "chúng sanh căn tánh ác liệt, không ai có thể hiểu", không sai chút nào.

Nếu bản thân chúng ta cũng không biết, làm sao giải thích cho người khác nghe? Bản thân làm sao để biết? Nhất định phải phiền não nhẹ, trí tuệ trưởng. Nếu không buông bỏ phiền não, chẳng thể vào được cửa. Ngày ngày nghe cũng vô dụng, vì đã bị phiền não chướng ngại, chắc chắn không nghe hiểu, không minh bạch.

Thầy Lý mở lớp giảng sư, chính là đào tạo nhân tài giảng kinh, có hơn 20 học viên, tôi cũng tham gia vào lớp này. Thầy giáo lên lớp, mọi người cùng nghe, chúng tôi lý giải không giống thầy. Người nhiều vọng niệm họ nghe không hiểu, năng lực tiếp thu rất kém. Người nhất tâm chuyên chú, người chân thành cung kính, họ lãnh ngộ nhiều, rất rõ ràng. Điều này không liên quan đến trình độ cao hay thấp, không liên quan đến vấn đề đó. Không cần biết quý vị có bao nhiêu kiến thức, cũng không hề liên can đến. Đúng như câu nói của ngài Ấn Quang: Ở nơi thành kính. Ngài nói rất hay: Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích.

Nói đến sau cùng vẫn là hiếu thân tôn sư, đây mới là căn bản. Quý vị có thể hiếu thân, sẽ biết tôn trọng thầy giáo, tôn trọng thầy mới đạt được nhiều thứ, mới thật sự đạt được một ít. Còn như không có tâm cung kính đối với thầy, không đạt được.

Hiện nay vì sao tôi không đến trường dạy học? Trước đây ở Đài Loan, lúc đó không gọi là đại học văn hóa, mà gọi là học viện văn hóa, về sau phát triển rộng lớn thành đại học. Tôi dạy ở học viện văn hóa năm năm rồi không dạy nữa. Tôi đi tham quan qua rất nhiều trường đại học ở nước ngoài, đôi khi đến dạy vài tiết. Vì sao tôi không dạy? Tâm học sinh không chuyên chú, có thể nhận ra được. Thầy ở trên bục giảng, quý vị thấy được nhãn thần của chúng, chuyên chú của chúng, khoảng bao lâu? Nhiều nhất là 15 phút, mười phút đầu còn được, sau 15 phút là bắt đầu lơ là, không biết đang nghĩ đến vấn đề gì, như vậy làm sao tiếp thu được gì?

Bởi thế tôi hồi tưởng lại thời gian tôi theo đại sư Chương Gia, đại sư dạy tôi, nhất định tâm tình phải hoàn toàn ổn định. Chỉ cần có một chút hiện tượng trôi nổi, ngài không giảng. Chúng ta phải ngồi thật đoan chánh, ngồi đối diện với đại sư, không nói câu nào. Nhất định phải thả lỏng, buông bỏ tất cả ngài mới giảng

cho ta nghe. Phương pháp dạy học đó, nếu hiện nay trong trường đại học áp dụng phương thức này, học trò nghỉ hết, ai nghe quý vị giảng? Đây chính là gì? Quả thật là chúng sanh hạ liệt, không ai có thể hiểu được, nên pháp cũng diệt, thầy cũng viên tịch, đều không còn. Không phải họ không từ bi, mà vì không có ai tiếp thu.

Kinh Vô Lượng Thọ này dạy người ghét bỏ Ta Bà, ngưỡng mộ Cực Lạc, là phương pháp quan trọng để cứu tế phàm phu", phương pháp quan trọng nhất, cho nên nó diệt sau". Nhưng cần phải có thiện căn, người không có thiện căn, gặp được cũng không tin. Nói quý vị là Tôn giáo, là mê tín. Họ không mê tín, nên không tin, họ không học những thứ này. Bởi vậy đây chính là Phật không độ người không có duyên, nhân duyên này là tu được từ nhiều đời kiếp, không phải ngẫu nhiên.

"Có chúng sanh này, cho đến đều được giải thoát", đây là đoạn sau cùng trong kinh: "Nếu có chúng sanh, tin được kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được độ thoát". Bốn câu, bốn câu này Đức Thế Tôn tận tình khuyên chúng ta. Tịnh Ảnh Sớ nói: "Người gặp được được kinh này", trực chính là gặp, người gặp được bộ kinh này, "đều được sở nguyện". Quý vị muốn cầu nguyện gì đều có thể mãn nguyện, đều có thể đạt được.

"Nói rõ lợi ích khi lưu lại kinh này", nói rõ vì sao Đức Phật lưu lại bộ kinh này đến sau cùng, nguyên nhân do đâu. Bộ kinh này thật sự có thể lợi ích chúng sanh trong đời mạt thế, chính là chúng sanh trong thời kỳ pháp diệt tận. Nếu họ gặp được cũng đạt được lợi ích. "Sau khi pháp diệt tận", sau khi Phật pháp diệt tận, "người nghe trong 100 năm đó, vẫn được lợi ích, vãng sanh Tịnh độ, huống gì người bây giờ nghe, làm gì có chuyện không vãng sanh". Bây giờ chúng ta cách thời pháp diệt tận 9000 năm, là vấn đề sau 9000 năm này. Bây giờ chúng ta có duyên đọc được bộ kinh này, nghe được bộ kinh này, làm gì có lý không vãng sanh! Chúng ta phải xây dựng lòng tin từ chỗ này. Tội chướng, tạo tội nghiệp dù nặng cũng không sao, trong kinh nói rất rõ: Ngũ nghịch thập ác, nhưng khi gặp được pháp môn này đều được độ thoát. Ngũ nghịch thập ác là quá khứ không có trí tuệ, mê hoặc điên đảo, tạo ra những chuyện sai lầm. Hiện nay nhất niệm giác ngộ, nhất định không tạo nữa. Về sau không tạo nữa, đó gọi là chân sám hối, đã quay đầu. Cổ nhân có câu ngạn ngữ rằng: "Lãng tử hồi đầu kim bất hoán", chỉ cần họ quay đầu, đó chính là người tốt, người tốt trong những người tốt. Họ thật sự quay đầu, Phật A Di Đà có thể không tiếp dẫn họ ư?

Đặc biệt họ tạo ra nhiều loại ác nghiệp, là do không ai dạy họ. Họ không biết đó là sai lầm, cho rằng như vậy là đúng, nên phải tha thứ cho họ. Đức Phật khuyên chúng ta tha thứ, đương nhiên Đức Phật lại càng không cần nói. Quý vị xem chúng ta đọc trong kinh: Người trước không hiểu, không biết đạo đức, không có người dạy, không dạy họ, nên họ làm việc xấu. Người trước là cha mẹ họ, là ông bà họ, là ông bà cố của họ. Người trong thời đại này tạo nghiệp, cần phải tha thứ, vì sao vậy? Chúng ta đã vứt bỏ truyền thống văn hóa đã 200 năm nay, 200 năm bao nhiêu đời! 100 năm trước là cuối thời nhà Thanh, lãng quên, không tôn trọng. Nhà Thanh mất nước đến nay là 100 năm, đã mất, không phải lơ là, vứt bỏ, hoài nghi. Cho rằng đây là phong kiến, là mê tín, không hợp khoa học, không theo kịp thời đại, cần phế bỏ tất cả. Bao nhiêu đời không dạy, không nhắc đến, quý vị trách họ được chăng?

Phương pháp duy nhất hiện nay, không những phải giảng, phải học, nhất định phải làm gương cho mọi người noi theo. Thực hiện trong một vùng nhỏ, thị trấn nhỏ, chúng ta lợi dụng nơi đây, hoặc làm ở thị trấn khác cũng được, như vùng kinh tế mới hiện nay. Hàng đệ tử Phật thích người của truyền thống văn hóa, mọi người đều sống cùng nhau. Khu vực nhỏ này phải làm gương cho mọi người noi theo, ở đây hòa thuận, giữa người với người tương thân tương ái. Chăm sóc lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, thể hiện cho người ta thấy. Quý vị thấy như vậy, sẽ rất ngưỡng mộ. Dùng phương pháp này để thức tỉnh tín tâm của con người, điều đầu tiên là tín tâm. Nếu họ không tin thì không còn cách nào khác, đó gọi là không có duyên. Họ thấy rồi mới tin, nếu họ không thấy sẽ không tin. Đây cũng là nhân duyên, nhân duyên, tôi cảm thấy do Phật Bồ Tát sắp đặt. Nếu chúng tôi không có nhân duyên tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, sẽ không có ý niệm này. Không ngờ sau khi tham gia hội nghị của Liên Hiệp Quốc, từ trong vấn đề đã phát hiện được. Tôi đã tham gia mười mấy lần, mỗi lần chủ đề diễn giảng của tôi đều nói đến phương pháp giải quyết vấn đề xã hội hiện tại trong truyền thống văn hóa và Phật pháp đại thừa, hóa giải xung đột. Đề xuất báo cáo với mọi người. Những người tham gia nghe xong đều vỗ tay, hoan hỷ. Sau khi hội nghị kết thúc, cùng nhau ăn cơm nói chuyện, rất nhiều người nói với tôi: Pháp sư nói rất hay, nhưng đó là lý tưởng, không làm được! Câu này đã kích tôi rất mạnh, vì sao vậy? Vì họ không tin, người bây giờ tin vào khoa học, khoa học là sao? Cần chứng cứ. Khoa học nói điều này, chứng cứ là gì? Chúng ta cần phải có điểm thí nghiệm, làm ra để mọi người thấy, mọi người tin tưởng. Cho nên thí nghiệm ở trấn Thang Trì là bắt buộc, nếu những người đó không ép tôi cũng không nghĩ đến, không

khởi ý niệm này. Do câu nói của họ khiến tôi nghĩ nhất định phải làm thí nghiệm, không làm thí nghiệm người ta không tin. Thí nghiệm, bản thân có nắm chắc không đều không biết, bản thân tôi cũng không nắm chắc. Cứ làm, cứ làm thử xem. Đầu tiên vốn nghĩ từ hai đến ba năm, thử xem có chút thành tựu nào chăng. Không ngờ chưa đầy bốn tháng, hơn ba tháng đã có thành tích. Người nơi thị trấn này đã thức tỉnh lương tâm, quả là không dễ. Nên tôi nói, đó không phải là công lao của chúng tôi. Tôi nói với các thầy cô giáo làm thí nghiệm: Chúng ta phải khiêm tốn, nhất định không được cho rằng chúng ta giỏi hơn người, đều nói với họ như vậy. Nếu như vậy là sai lầm lớn, đây là gì? Đức của tổ tông và Tam Bảo gia trì, chúng ta làm gì có năng lực. Chúng ta phải cảm ân tổ tông, cảm ân Tam bảo, đích thực là Tam Bảo gia trì và đức của tổ tông. Thí nghiệm thành công, chúng tôi muốn báo cáo lên Liên Hiệp Quốc, đây không phải là việc đơn giản. Thế nên tất cả đều là phước đức của tổ tông gia trì, hai tháng sau Liên Hiệp Quốc đến tìm chúng tôi, tìm tôi thì quá hay. Tôi tìm họ mới khó, họ đến tìm tôi sẽ dễ làm việc, mà còn mời tôi tổ chức hoạt động này, đây là điều không thể ngờ được. Hoạt động này là kỷ niệm 2550 năm của Đức Thế Tôn, năm 2006, là Phật lịch 1550, tổ chức hoạt động này. Chủ đề là: Cống hiến của Phật Giáo đồ đối với nhân loại. Tổ chức theo đề mục này đúng với tư tưởng của tôi. Tôi cũng không dám tin, nên phái ba người đến Paris xem thử, rốt cuộc là như thế nào. Nếu Liên Hiệp Quốc muốn tìm một đơn vị cùng họ hợp tác tổ chức, họ tìm nước hội viên, sao lại đến tìm tôi? Ba người đến Paris nghe ngóng thử, thật sự có việc này, họ tìm ai? Tìm Thái lan, như vậy tôi đã hiểu. Đặc sứ Thái lan kiến nghị mời tôi cùng làm đơn vị tổ chức, Liên Hiệp Quốc đồng ý, chính là như vậy. Đây là tổ tông sắp xếp, Phật Bồ Tát sắp đặt, chúng tôi mới có cơ hội làm ba ngày triển lãm tại Liên Hiệp Quốc, chính là thành tích ở thị trấn Thang Trì. Triển lãm ba ngày và báo cáo tám tiếng đồng hồ. 8 tiếng chia ra ba thầy giáo, vì báo cáo ở Liên Hiệp Quốc dài nhất không quá hai tiếng. Chúng tôi yêu cầu 8 tiếng, họ không cách nào đáp ứng. Tôi nói thời gian không dài chúng tôi không thể nói rõ được nội dung, không thể ít hơn tám tiếng. Đàm phán sau cùng là nhiều nhất bốn tiếng, không thể nhiều hơn, như vậy là đã phá lệ. Chúng tôi mời thầy Thái đảm nhận bốn tiếng, và hai vị thầy khác, mỗi vị hai tiếng, như vậy là tám tiếng.

Sau đại hội, 192 đại biểu, đặc sứ các nước đều muốn đến Thang Trì để khảo sát, tham quan. Cơ duyên này không phải Phật Bồ Tát sắp đặt, tổ tông sắp đặt ư? Chúng ta làm sao có thể làm được? Không thể. Chúng tôi nhân cơ hội này mời 9 Tôn giáo của Singapore, mời Tôn giáo của Australia cùng hợp tác với chúng tôi

_ Đạo Do Thái của Australia. Chúng tôi hợp lại ở trong đại hội của Liên Hiệp Quốc, làm cầu nguyện cho hòa bình thế giới. Đây là điều vốn họ không dám động chạm, tôi vô cùng kiên trì nhất định phải mời, để mọi người trong Liên Hiệp Quốc thấy: Tôn giáo là hòa bình, Tôn giáo có thể đoàn kết. Họ sợ, cho rằng bất đồng Tôn giáo ở cùng nhau sẽ có đấu tranh, không dám. Ba ngày hội nghị này họ thấy được, mười Tôn giáo hợp lại rất hòa thuận, giống như anh chị em một nhà vậy, họ đều nhận ra.

Sau khi hoạt động này kết thúc, Liên Hiệp Quốc thành lập một văn phòng Tôn giáo, trước đó không có. Khiến họ có cảm tình tốt đối với Tôn giáo, thành lập văn phòng Tôn giáo. Bởi vậy không thể không làm thí nghiệm, ngày nay nhất định phải có thí nghiệm, mọi người tận mắt chứng kiến họ mới cảm nhận được. Nếu như không có thí nghiệm, muốn để một số người có tín ngưỡng có niềm tin đối với truyền thống văn hóa là điều vô cùng khó khăn.

Truyền thống văn hóa, Phật pháp đại thừa có tiền đồ chăng, hiện nay còn là dấu chấm hỏi, ai dám nói? Văn hóa và Phật pháp đúng là rất hay, bản thân chúng ta đều biết, chúng ta được độ, cầu vãng sanh chắc chắn không vấn đề gì. Nhưng muốn mọi người có thể tin, có thể tiếp nhận, là điều không dễ chút nào. Phải xem vào điều gì? Xem vận nước, xem vận khí của thời thế, vận khí của toàn thế giới. Đây đúng là cần chư thần đến gia trì, phải dựa vào đức của tổ tông. Nếu thế vận không còn, vận nước không còn, đó chính là người nước ngoài nói: Tận thế _ sang năm 2012 là tận thế. Vấn đề này hiện tại không còn cấm kỵ, công khai đưa ra thảo luận. Chúng ta nên ứng phó vấn đề này như thế nào? Những người tu theo Tịnh độ áp dụng câu Phật hiệu. Công đức lợi ích của câu Phật hiệu này, trong các buổi giảng chúng tôi nói đến rất nhiều. Thật sự có tín tâm, dù thiên tai có lớn cũng có thể vượt qua bình an. Phải tin thật, phải nguyện thiết. Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm sẽ vượt qua được kiếp nạn này.

Bởi vậy bộ kinh này có thể cứu chúng ta trong thời kỳ pháp diệt tận, chúng sanh trong thời đó. Đối với hiện nay tuyệt đối không vấn đề gì.

Bên dưới là nói đến ý trong Sớ: "Sớ nói, người gặp kinh này, nhất định mãn bản nguyện mình", bản nguyện, bản nguyện của người học Phật chính là vãng sanh làm Phật, chúng ta nhất định phải đi làm Phật. Trong kinh dạy rằng: "thị tâm thị Phật", quý vị vốn là Phật. Hiện nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là "thị tâm tác Phật", vốn là Phật, hiện nay lại phát tâm làm Phật, nhất định thành Phật, nên tròn được bản nguyện.

"Điều này chứng minh lợi ích khi lưu lại kinh này", lợi ích chân thật. Trong bộ kinh này nói đến ba điều chân thật: Chân thật rốt ráo, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật. Ba loại chân thật này đều có đủ trong bộ kinh này. "Đối với thời kỳ pháp diệt, nghe kinh còn được lợi ích", vãng sanh Cực Lạc. Sau 9000 năm còn đạt được lợi ích thù thắng này. "Huống gì bây giờ người nghe kinh tín thọ, làm gì có đạo lý không thể vãng sanh Cực lạc", đây là khẳng định, chắc chắn được vãng sanh.

Sớ lại nói tiếp: "Chắc chắn được vãng sanh, đừng nên nghi hoặc lo lắng". Câu này quá hay, kiên định niềm tin của mình. Phải tin rằng chắc chắn được vãng sanh, đừng nên do dự, đừng nên nghi hoặc. Được độ là vượt qua biển sanh tử mà chứng niết bàn, vĩnh viễn xa lìa lục đạo, xa lìa mười pháp giới. Biển ví như sanh tử, bỉ ngạn ví với niết bàn. Vượt thoát dòng sanh tử, bước lên bỉ ngạn của niết bàn, có nghĩa là được độ.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới: "Như Lai hưng thế, nan trực nan kiến, Chư Phật kinh đạo, nan đắc nan văn, ngộ thiện tri thức, văn pháp năng hành. Thử diệc vi nan, nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan". Đức Thế Tôn quả thật từ bi tột cùng, không ngừng khuyên chúng ta, nói ra cho chúng ta biết về chân tướng sự thật.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ, một đoạn chú giải rất dài: "Hữu", đoạn kinh văn bên phải, "than", là than thở, "nghe kinh tín thọ là khó trong các điều khó", đây là nói với ai? Không phải nói với một số người, cũng không phải nói với người học Phật, là nói với những người tu Tịnh độ. Nhất định phải hiểu được ý này.

Chúng ta được thân người, gặp được Phật pháp, gặp được đại thừa, gặp được Tịnh độ. Gặp được Tịnh độ, trong đời này có thể thành tựu chăng? Là nói đến khó trong các điều khó, vì sao lại khó như vậy, gặp được rồi mà không thể vãng sanh? Đối với Tịnh tông hiểu chưa đủ thấu triệt, tín tâm không kiên định, nguyện tâm không khẩn thiết. Cảnh giới hiện tiền vẫn còn động tâm, thậm chí vẫn còn thoái chuyển, như vậy là không được.

Bởi vậy nghe kinh tin hiểu thọ trì là khó trong các điều khó. Khiến người biết kinh khó nghe, sanh tâm kính trọng hy hữu, quả là không dễ.

Mấy năm trước, trước sau trải qua ít nhất 5 năm, là cửa ải nghiêm trọng. Biết bao người phản đối bản hội tập của Hạ Liên Cư, dùng ngôn ngữ lẫn văn tự phê

phán. Áp lực lớn này rất khó gánh vác, chúng tôi rất kiên trì, không vị vậy mà dao động. Hai năm đó cục Tôn giáo của nhà nước đã thừa nhận, áp lực này coi như được thả lỏng. Cục Tôn giáo quốc gia xuất bản Tịnh Độ Ngũ Kinh, Kinh Vô Lượng Thọ chính là dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, chứng tỏ quốc gia đã thừa nhận.

Bộ chú giải này của Hoàng Niệm Tổ rất hay, lượng lưu thông không lớn, vì chú giải quá dài, chú giải rất tường tận. Người bây giờ không đủ kiên nhẫn, những thứ họ cần càng đơn giản càng tốt, nhiều trang quá họ không tiếp thu. Bản chú giải này rất dày, nên khó. Chúng ta phát tâm, tinh tấn học một lần, học hai lần, học 10 lần, có thể khiến người thế gian sanh khởi sức chú ý đối với bộ kinh này. Có thể xem trọng và sanh khởi tín tâm với kinh này, họ được độ và cơ duyên sẽ thuần thục. Cho nên "sanh tâm kính trọng hy hữu".

"Hưng thế", "xuất hưng ư thế", xuất hiện tại thế gian, Như Lai xuất hiện tại thế gian.

Tư Trì Ký nói: "Thân Phật sung mãn, tùy vật hiện hình, thị hiện sanh ra khởi xướng rồi diệt tận, cứu độ quần sanh". Mấy câu này, pháp thân của Phật, chân thân, đích thực là đầy cả vũ trụ, tồn tại mọi lúc mọi nơi. Chúng ta thấy được Phật A Di Đà, phải chăng là Phật A Di Đà từ thế giới Cực Lạc đến đây, phải trải qua 10 vạn ức cõi nước Phật? Không phải, Phật A Di Đà ở trong hiện tại, gặp duyên ngài liền hiện hình, không có duyên ngài ẩn mất. Cho nên "tùy vật hiện hình", chữ vật này phạm vi rất lớn. Nếu tùy người, trong mười pháp giới chỉ có nhân pháp giới. Dùng vật, tức 10 pháp giới đều có. Trong tứ thánh pháp giới rất dễ hiện hình, vì sao vậy? Vì những người này tâm thanh tịnh, ít vọng tưởng tạp niệm, nhiều cơ hội thấy Phật. Nhưng cũng khó thấy khó gặp, vì sao vậy? Vì họ không muốn thấy, chúng ta muốn thấy không thấy được, họ không muốn thấy, không có ý muốn thấy Phật. Đây là gì? Không biết áo nghĩa của Tịnh tông, không biết sự thù thắng của Tịnh tông, nguyên nhân chính là như vậy.

Ở Nam Thiệm Bộ Châu của chúng ta, tức hiện nay mọi người nói là trên địa cầu. 3000 năm trước Đức Thế Tôn ứng hóa tại đây, hiện thân giáo hóa chúng sanh. Đây là thế gian có nhân duyên với Phật. Tuy muốn gặp, nhưng vì tập khí phiền não quá nặng, nghiệp lực quá nặng đã làm chướng ngại, chướng ngại nhân duyên này, muốn thấy không thấy được. Nên đúng là "khó thấy khó gặp".

"Thị hiện sanh ra khởi xướng và diệt độ", đây là không thất thời, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng, ngài đến thị hiện. Khởi xướng là giáo hóa chúng sanh,

hết duyên ngài liền diệt độ, đây chính là thị hiện sanh diệt. "Tiếp độ quần sanh", Phật ứng hóa ở thế gian, mục đích là cứu độ, tiếp dẫn những chúng sanh có duyên.

"Căn cứ sở kiến của Ta Bà, sanh vào trong cung vua, chán ghét thế gian tu hành", đây là nói đến Đức Thế Tôn, 3000 năm trước ngài sanh ra trong cung của Vua Tịnh Phạn. Sanh ra ở đó, lớn lên ở đó, "chán ghét thế gian nên tu hành". Đây là biểu diễn cho chúng ta xem, tám tướng thành đạo. "Hàng ma thành Phật", hàng ma, nói đơn giản là buông bỏ vạn duyên, vạn duyên là ma. Chỉ một thứ không buông được, nó vẫn chướng ngại chúng ta như thường. "Nên gọi là hưng thế", thị hiện buông bỏ vạn duyên.

Đức Thế Tôn 19 tuổi lìa xa gia đình, điều này ý nghĩa rất thâm sâu: Buông bỏ phiền não chướng, nhà là phiền não. 30 tuổi thành đạo dưới cội bồ đề, là buông bỏ sở tri chướng, không phải ngài đã tham học suốt 12 năm ư? Sở học 12 năm đều buông bỏ hết, như vậy mới đại triệt đại ngộ. Phải triệt để buông bỏ hai loại chướng ngại này, cho nên Phật pháp không quý đa văn, quý ở chỗ buông bỏ.

Mục đích nghe kinh là gì? Hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tướng là gì? Vạn pháp giai không. Trong Kinh Bát Nhã nói: "Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc", đây là thật tướng các pháp. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch, tự nhiên buông bỏ, không cần phải khuyên. Đây gọi là thành Phật, buông bỏ tức gọi là thành Phật.

"Gọi là thân Phật biến pháp giới, không có đến đi, tam tế nhất như, vốn không sanh diệt". Thật vậy, đây là tự tánh, là pháp thân. Pháp thân chính là tự tánh, tự tánh chính là pháp thân, pháp thân không có tướng. Tùy theo cảm của chúng sanh, chúng sanh có cảm ngài liền có thể ứng. Chúng sanh hy vọng thấy tướng Phật, ngài liền thị hiện thân Phật. Chúng sanh hy vọng thấy Bồ Tát, ngài liền hiện thân Bồ Tát. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng", Phật tuyệt đối không có khởi tâm động niệm. Điều này chúng ta phải khẳng định, phải tin.

Lúc Đức Thế Tôn tại thế, ngài thị hiện trụ thế 79 năm. Người Trung Quốc tính tuổi mụ là 80 tuổi, 80 năm, Đức Phật có khởi tâm động niệm chăng? Không có, ngài có phân biệt chấp trước chăng? Không có. Nếu ngài khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, ngài là phàm phu, ngài sẽ thoái chuyển. Quả thật không có phân biệt chấp trước, không có khởi tâm động niệm. Tùy theo tâm chúng sanh mà ứng hóa ra như thế. Quý vị đưa ra câu hỏi, ngài lập tức trả lời. Quý vị không hỏi trong tâm ngài trống không, một pháp cũng không có, đây là thật. Quý vị

muốn gì, ngài liền hiện tướng đó, ngài thị hiện là cảm ứng. Chúng sanh không có cảm, ngài không có ứng, có cảm liền có hiện. Cho nên ngài vốn không có sanh diệt, không có đến đi. Ngài không có thời gian, cũng không có không gian, thời gian không gian là giả, tam tế nhất như. Tam tế là quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả đều không có, nhất như, không sanh không diệt.

"Để ứng cơ hóa độ, nên sanh ra trong cung vua, xuất gia tu đạo, hàng ma thành Phật". Đây đều là biểu diễn, biểu diễn cho chúng sanh thế gian này thấy được. Khiến họ thấy rõ ràng, tâm có sự cảm ngộ, mục đích chính là như vậy. Người căn tánh sắc bén, vừa thấy liền giác ngộ, vấn đề được giải quyết. Người căn tánh kém hơn, xem xong vẫn không ngộ, đến thỉnh giáo, ngài liền nói pháp cho người đó. Nguyên tắc Phật giáo hóa chúng sanh, nói với chúng ta: "Khai thị ngộ nhập". Phương pháp ngài áp dụng là cương lĩnh chung, nguyên tắc chung. Ngài dùng phương tiện thiện xảo để mở tâm cho quý vị, đây là tâm gì? Tâm mê hoặc điên đảo, mở tâm này, khiến thấy được chân tâm của mình, chân tâm chính là Phật.

"Như vậy nên gọi là hưng thế", Phật là vì nguyên nhân này mà xuất hiện ở thế gian. Đây mới nói câu đầu tiên: "Như Lai hưng thế".

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.